

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2018

(V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Đỗ Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Viêt Sáu
2. Ông Hồ Khắc Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên -
Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên Tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 239/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2018, giữa :

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L – Sinh năm 1983

Trú tại: khu phố 3, phường P, Tp.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T – Sinh năm 1978

Trú tại: khu phố 3, phường P, Tp.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau làm ăn nuôi con. Khoảng 10 năm trở lại đây, ông T thay đổi, cờ bạc, đánh đập, chửi bới bà L. Ông T không đưa tiền nuôi con, chỉ lo đánh bài, cá độ. Ông T cầm dao rượt bà L

chạy ngoài đường, trước đây còn cầm kéo đâm sau lưng. Nay bà L thấy tình cảm vợ chồng đã hết và yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Minh N – sinh ngày 30/9/2005 và Nguyễn Trần Bích D – sinh ngày 07/4/2007. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông và bà L cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường, không có mâu thuẫn lớn, ông T thừa nhận có đánh vợ mấy cái, có cầm dao rượt vợ nhưng với mục đích chỉ hù dọa, trước đây có cầm kéo nhưng lỡ quẹt trúng lưng vợ chứ không có ý định đâm. Ông T thừa nhận có đánh bài và chơi số đề nhưng chỉ chơi với mấy người trong xóm. Nay bà L nộp đơn khởi kiện ra Tòa ông T xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà L, ông T không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án xử ly hôn thì ông T cũng không có ý kiến gì.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Minh N – sinh ngày 30/9/2005 và Nguyễn Trần Bích D – sinh ngày 07/4/2007. Các con muốn ở với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hội đồng xét xử tiến hành trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và tuyên một bản án công bằng, khách quan, đúng pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh T, ông T hiện đang cư trú tại khu phố 3, phường P, thành phố Phan

Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân Thành phố Phan Thiết.

Về quan hệ hôn N: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Minh T kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn số 166 quyển số 01/2004 ngày 24/12/2004 tại UBND phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn N của bà L, ông T là hợp pháp.

Theo bà L, thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây, thì ông T thay đổi, cờ bạc, đánh đập, chửi bới bà L. Ông T không đưa tiền nuôi con, chỉ lo đánh bài, cá độ. Ông T cầm dao rượt bà L chạy ngoài đường, trước đây còn cầm kéo đâm sau lưng. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như xưa nữa, bà L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Ông T thừa nhận có chơi đánh bài, có đi qua đêm, có đánh bà L, nhưng ông T xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà L, nên ông T không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án xử ly hôn thì ông T cũng không có ý kiến gì.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Luật hôn N và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, N phẩm, uy tín cho nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn N của bà L, ông T không còn hạnh phúc, ông bà không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng nhau nên hạnh phúc gia đình ngày rạn nứt, làm cho hôn N lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến ai chứng tỏ tình trạng hôn N của ông bà không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T thừa nhận có đánh bà L, có chơi đánh bài, có đi qua đêm nhưng ông T không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án xử ly hôn thì ông T cũng không có ý kiến gì. Ông bà đã tự sống xa nhau từ tháng 6/2018 đến nay. Điều này, chứng tỏ cuộc sống hôn N giữa ông T và bà L không thể nào tiếp tục kéo dài, vì vậy nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh N – sinh ngày 30/9/2005 và Nguyễn Trần Bích D – sinh ngày 07/4/2007.

Bà Trần Thị L yêu cầu được nuôi hai con, cả hai cháu đều có yêu cầu được ở với mẹ, xét yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi phải bảo đảm đời sống của các cháu được ổn định, bà L hiện đang có việc làm, có nguồn thu nhập, hơn nữa hiện nay hai cháu đều đang ở với mẹ. Ông T làm nghề đi biển, thường xuyên đi vắng nhà. Vì vậy nghĩ nên giao hai cháu cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi hai con chung 2.000.000 đồng/tháng Và tại phiên tòa ông T cũng đồng ý mức cấp dưỡng này cho 02 con chung. Đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự và không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn, ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, khoản 01 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 85, Điều 87, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 94, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn N và gia đình năm 1999; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn N: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L.

Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Minh N – sinh ngày 30/9/2005 và Nguyễn Trần Bích D – sinh ngày 07/4/2007.

Giao hai con Nguyễn Minh N và Nguyễn Trần Bích D cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực cho đến khi 02 con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N và gia đình sơ thẩm. Ngày 20/6/2018 bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Phan Thiết thu biên lai số 0020811 nay được chuyển sang án phí.

Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo của các đương sự là 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (28/8/2018).

Nơi nhận:

*Các đương sự;
TAND tỉnh Bình Thuận;
VKSNĐ tỉnh Bình Thuận;
Thi hành án dân sự Phan Thiết;
UBND xã, phường (nơi đăng ký kết hôn);
Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Yến Linh